

Số: 548 /BC-UBND

Đức Phổ, ngày 14 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 09/5/2016
của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị 21-CT/TU ngày 21/3/2017
của Tỉnh ủy Quảng Ngãi trong năm 2018**

Thực hiện công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm (ATTP), UBND huyện Đức Phổ báo cáo kết quả theo Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 09/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị số 21-CT/TU ngày 21/3/2017 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi trong năm 2018 về công tác quản lý ATTP, với nội dung như sau:

I. Tình hình quản lý ATTP trong năm 2018

1. Công tác quản lý

- Trong năm 2018, công tác quản lý vệ sinh ATTP được tiếp tục đẩy mạnh, Ban Chỉ đạo liên ngành vệ sinh ATTP (gọi tắt là Ban Chỉ đạo ATTP) huyện đơn đốc, kiểm tra, nhắc nhở các cơ quan, đơn vị, UBND xã, thị trấn tăng cường trách nhiệm quản lý; cơ quan thường trực đã tham mưu xây dựng kế hoạch đảm bảo ATTP trên địa bàn huyện năm 2018 và tổ chức triển khai thực hiện theo mục tiêu kế hoạch; thường xuyên đánh giá công tác quản lý tuyến xã, thị trấn để xây dựng kế hoạch bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý tại địa phương trong năm 2019; đề ra các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện, chủ động phát huy vai trò, trách nhiệm của các bộ phận, cơ quan, cán bộ, công chức tham mưu;

- Các cơ quan chuyên môn tăng cường quản lý theo lĩnh vực phân cấp, ban hành các văn bản điều hành, chỉ đạo, phối hợp theo từng ngành; ngành Y tế triển khai giám sát các môi nguy cơ về ATTP thuộc lĩnh vực y tế trong dịp trước, trong và sau Tết Nguyên đán và các đợt cao điểm trong năm;

- Chỉ đạo các hoạt động trong Tháng hành động vì ATTP, tăng cường các công tác thanh tra, kiểm tra liên ngành, tuyên truyền pháp luật về ATTP;

- Triển khai công tác ATTP trong dịp Tết Trung thu, ban hành kế hoạch chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý các cơ sở vi phạm theo quy định pháp luật;

- Văn bản đã ban hành: 63 văn bản; bao gồm các văn bản chỉ đạo, điều hành, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm;

- Tuyến xã, thị trấn: Xây dựng kế hoạch đảm bảo ATTP; giao nhiệm vụ cho công chức văn hóa – xã hội để tham mưu quản lý; kiện toàn Ban Chỉ đạo ATTP, đảm bảo Trưởng ban là Chủ tịch UBND, chịu trách nhiệm trong công tác đảm bảo ATTP tại địa phương; kiện toàn Đoàn kiểm tra liên ngành vệ sinh ATTP, kiểm tra nhắc nhở các cơ sở thực phẩm trong các đợt cao điểm.

2. Công tác giải quyết thủ tục hành chính về ATTP của các cơ quan chuyên môn

- Phòng Y tế cấp 32 Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện vệ sinh ATTP; 74 Bản cam kết đảm bảo ATTP và cấp 637 Giấy xác nhận kiến thức về ATTP;

- Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện: Cấp 04 Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện vệ sinh ATTP; 120 Bản cam kết đảm bảo ATTP và cấp 150 Giấy xác nhận kiến thức về ATTP cho các đối tượng theo phân cấp quản lý.

3. Công tác tuyên truyền

- Chỉ đạo cơ quan truyền thông, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, kịp thời đưa tin về tình hình ATTP;

- Công tác tuyên truyền được tập trung triển khai mạnh trong các đợt Tết Nguyên đán và Tháng hành động; lồng ghép các hoạt động hướng dẫn kiểm tra, tuyên truyền trong dịp Tết Trung thu;

- Cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về ATTP:

+ Thường xuyên khuyến cáo chủ cơ sở và người tiêu dùng lựa chọn thực phẩm an toàn và chủ động các biện pháp phòng, chống ngộ độc thực phẩm, các bệnh lây truyền qua thực phẩm; đồng thời tiếp tục kích lệ nêu cao tinh thần lên án, tố giác các hành vi vi phạm về ATTP;

+ Phối hợp UBND xã, thị trấn tổ chức tập trung phổ biến về pháp luật về ATTP tại tất cả các xã, thị trấn nhằm tăng cường trách nhiệm của người sản xuất, kinh doanh thực phẩm; đã có hơn 1.500 đối tượng tham gia (là chủ cơ sở và người trực tiếp sơ chế, chế biến thực phẩm; cán bộ, chính quyền, hội đoàn thể của xã, thôn).

- Công tác tuyên truyền còn được thực hiện thông qua các đợt kiểm tra, giám sát của bộ phận chuyên môn ngành Y tế và thanh tra, kiểm tra liên ngành đã kết hợp hướng dẫn, tuyên truyền trực tiếp về điều kiện ATTP cho các chủ cơ sở và người tham gia làm việc tại các cơ sở.

4. Công tác thanh tra, kiểm tra

- Phòng Y tế huyện (cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo ATTP huyện) chủ công phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tiến hành tổ chức 03 đợt thanh tra, kiểm tra liên ngành và 01 đợt lĩnh vực ngành nông nghiệp. Kết quả thanh tra, kiểm tra (xem Phụ lục đính kèm):

+ Tổng số cơ sở được thanh tra, kiểm tra: 258 cơ sở (sản xuất, chế biến và kinh doanh thực phẩm);

+ Tổng số cơ sở vi phạm: **109 cơ sở**; trong đó: Cảnh cáo, nhắc nhở: 62, xử phạt hành chính: 47; tổng số tiền phạt: **84.250.000đ**;

+ Tiêu hủy các sản phẩm hàng hóa không rõ nguồn gốc, hết hạn sử dụng tại 48 cơ sở.

- Phối hợp và kiến nghị với Đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành tỉnh để thanh tra, kiểm tra tại một số cơ sở có dấu hiệu vi phạm, đề xuất các biện pháp xử lý;

- Trung tâm Y tế huyện xây dựng kế hoạch chỉ đạo bộ phận chuyên môn tổ chức định kỳ kiểm tra, giám sát hàng tháng tại các cơ sở thuộc phân cấp quản lý.

- Tuyên xã, thị trấn: Đoàn kiểm tra liên ngành ATTP tiến hành kiểm tra, nhắc nhở các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm trong dịp Tết Nguyên đán, Tháng hành động và Tết Trung thu.

5. Công tác phòng, chống ngộ độc thực phẩm: Trong năm 2018 không có vụ ngộ độc thực phẩm xảy ra trên địa bàn.

6. Thực hiện chuyên mục “Công khai – Minh bạch – Vì sức khỏe người tiêu dùng”

- Thực hiện công khai thông tin về cơ sở thực phẩm không đảm bảo an toàn (bị xử lý vi phạm hành chính) trên cổng thông tin điện tử của UBND huyện;

- Đề nghị UBND xã, thị trấn giám sát, theo dõi, kiểm tra, có biện pháp nhắc nhở, giáo dục các cơ sở vi phạm.

II. Tồn tại, hạn chế

1. Công tác quản lý:

- Phòng Y tế là cơ quan thường trực về ATTP tuyến huyện, chủ trì xây dựng, tham mưu UBND huyện các hoạt động về ATTP; tuy nhiên hiện tại theo Đề án vị trí việc làm Phòng Y tế chưa đáp ứng đủ biên chế (thời điểm hiện tại chỉ có mặt 02 người: 01 lãnh đạo và 01 chuyên viên); do đó gặp khó khăn trong công tác tham mưu quản lý;

- Quản lý về nguồn gốc thực phẩm, kinh doanh, buôn bán, vận chuyển hàng hóa thực phẩm trên thị trường chưa được giám sát chặt chẽ;

- Chủ cơ sở và người làm việc tại một số cơ sở dịch vụ ăn uống, nấu ăn lưu động, cơ sở giết mổ, sản xuất bún, hủ tiếu chưa nâng cao việc thực hành các quy định pháp luật về ATTP, vi phạm vẫn còn diễn ra;

- Một số chính quyền địa phương cấp xã chưa vào cuộc quyết liệt trong công tác quản lý.

2. Công tác tuyên truyền: Được tập trung triển khai thực hiện trong đợt cao điểm, hầu hết do cơ quan chuyên môn tuyến huyện thực hiện.

3. Công tác thanh tra, kiểm tra liên ngành:

- Công tác hậu kiểm tra chưa được thực hiện;

- Hình thức xử lý các cơ sở vi phạm hầu hết đều hướng dẫn, nhắc nhở, khắc phục các việc chưa đảm bảo theo quy định về ATTP, ngoài ra những cơ sở cố tình vi phạm hoặc các tình tiết vi phạm nhiều thì bị xử lý chưa đúng theo mức độ vi phạm theo thực tế.

III. Nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện trong năm 2019

1. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về ATTP.

2. Xây dựng Kế hoạch, tổ chức thực hiện các mục tiêu đảm bảo ATTP trong năm 2019 theo kế hoạch dài hạn.

3. Tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị 13/CT-TTg ngày 09/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết 43/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc hội và Kế hoạch thực hiện Chỉ thị 21-CT/TU ngày 21/3/2017 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với vấn đề ATTP trong tình hình mới.

4. Xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra liên ngành vệ sinh ATTP.

5. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra liên ngành; tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ và đột xuất tại cơ sở; xử lý các cơ sở vi phạm theo quy định pháp luật.

5. Ban Chỉ đạo ATTP huyện tăng cường phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện tổ chức tuyên truyền Luật ATTP cho hệ thống chính trị cấp xã, thôn và nhân dân trên địa bàn.

5. Các cơ quan chuyên môn, Phòng: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kinh tế và Hạ tầng tham mưu quản lý theo lĩnh vực ngành, tổ chức tập huấn kiến thức ATTP cho các đối tượng cơ sở thực phẩm; thẩm định, cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện theo phân cấp.

6. UBND xã, thị trấn:

- Xây dựng kế hoạch đảm bảo ATTP trong năm 2019; phối hợp với các cơ quan chuyên môn tuyến huyện đẩy mạnh các hoạt động quản lý tại địa phương;

- Chỉ đạo các bộ phận chuyên môn kiểm tra định kỳ, thường xuyên tại các cơ sở thực phẩm được phân cấp; có biện pháp giáo dục, nhắc nhở hoặc xử lý các cơ sở cố tình vi phạm trong các đợt cao điểm trong năm 2019;

- Tăng cường công tác tuyên truyền, sử dụng hệ thống truyền thanh tại các địa phương, khu dân cư, tổ dân phố để đưa tin, cảnh báo về ATTP;

- Báo cáo tình hình quản lý vệ sinh ATTP tại địa phương về UBND huyện (thông qua Phòng Y tế) theo quy định.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 09/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị 21-CT/TU ngày 21/3/2017 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi về công tác ATTP trong năm 2018. UBND huyện Đức Phổ kính báo cáo. /.

Nơi nhận: *ty*

- UBND tỉnh;
- BCD liên ngành vệ sinh ATTP tỉnh;
- Sở Y tế Quảng Ngãi;
- Chi cục ATVSTP tỉnh;
- TT Huyện ủy, TT UBND huyện;
- UBND huyện;
- CT, PCT UBND huyện;
- UBMTTQVN huyện;
- Ban Tuyên giáo HU;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- UBND xã, thị trấn;
- Lưu: VT và PYT.



Trần Phước Hiền

PHỤ LỤC

THANH TRA KIỂM TRA LIÊN NGÀNH VÀ XỬ LÝ VI PHẠM VỆ SINH ATTP NĂM 2018
(Kế hoạch thanh tra số: 548/BC-UBND ngày 14/12/2018 của UBND huyện Đức Phổ)



1. Kết quả thanh tra

| TT | Loại cơ sở thực phẩm được thanh tra, kiểm tra | Đợt I | | Đợt II | | Đợt III | | Đợt IV | | Tổng cộng | | Tỷ lệ đạt |
|---------------------|---|-------------------------------|--------------|-------------------------------|--------------|-------------------------------|--------------|-------------------------------|--------------|-------------------------------|--------------|--------------|
| | | Số cơ sở được thanh, kiểm tra | Số cơ sở đạt | Số cơ sở được thanh, kiểm tra | Số cơ sở đạt | Số cơ sở được thanh, kiểm tra | Số cơ sở đạt | Số cơ sở được thanh, kiểm tra | Số cơ sở đạt | Số cơ sở được thanh, kiểm tra | Số cơ sở đạt | |
| 1 | Cơ sở dịch vụ ăn uống, bếp ăn tập thể | 0 | 0 | 25 | 6 | 0 | 0 | 19 | 15 | 44 | 21 | 47.7% |
| 2 | Cơ sở sản xuất, chế biến kinh doanh | 58 | 34 | 41 | 31 | 53 | 27 | 50 | 32 | 202 | 124 | 61.4% |
| 3 | Cơ sở giết, mổ gia súc, gia cầm | 0 | 0 | 02 | 0 | 10 | 4 | 0 | 0 | 12 | 4 | 33.3% |
| Cộng (1+2+3) | | 58 | 34 | 68 | 37 | 63 | 31 | 69 | 47 | 258 | 149 | 57.8% |

2. Tình hình vi phạm và xử lý vi phạm:

| TT | Nội dung | Đợt I | | Đợt II | | Đợt III | | Đợt IV | | Tổng cộng |
|-----------|-------------------------------|----------------|--------------|----------------|--------------|----------------|--------------|----------------|--------------|-------------|
| | | Số lượng cơ sở | Số tiền phạt | Số lượng cơ sở | Số tiền phạt | Số lượng cơ sở | Số tiền phạt | Số lượng cơ sở | Số tiền phạt | |
| 1 | Số cơ sở vi phạm | 24 | | 31 | | 32 | | 22 | | 109 |
| 2 | Số cơ sở vi phạm bị xử lý | 24 | | 31 | | 32 | | 22 | | 109 |
| Trong đó: | | | | | | | | | | |
| | - Cảnh cáo, nhắc nhở | 06 | | 10 | | 27 | | 19 | | 62 |
| | - Phạt tiền | 18 | | 21 | | 05 | | 3 | | 47 |
| | - Không chấp hành | 0 | | 0 | | 0 | | 0 | | 0 |
| | - Số tiền phạt | 36.850.000đ | | 35.150.000đ | | 6.250.000đ | | 6.000.000đ | | 84.250.000đ |
| | - Đình chỉ hoạt động | 0 | | 0 | | 0 | | 0 | | 0 |
| 3 | Cơ sở có sản phẩm bị tiêu hủy | 30 | | 0 | | 0 | | 18 | | 48 |

